

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HC-ST

Ngày: 21/5/2022

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Thái**

Bà **Nguyễn Thị Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Quyền**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông **Trần Văn Lùng**
– Kiểm sát viên.

Ngày 21/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 198/2018/TLST-HC ngày 29/5/2018 về việc Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HC ngày 12/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HC ngày 29/4/2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông **H**, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Số 104 ngõ 258 T, tổ 33, phường L, quận M, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông **N**, sinh năm 1976; địa chỉ: B, phường H, quận M, thành phố Hà Nội; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 05/6/2018, có mặt)

Người bị kiện:

1. **Ủy ban nhân dân quận M**

2. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận M**

Cùng địa chỉ: Trung tâm hành chính quận, phường L, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:

- Ông **T**; chức danh: Chủ tịch; là người đại diện theo pháp luật của UBND quận M (vắng mặt có ủy quyền)
- Ông **Đ**, chức vụ: Phó Chủ tịch; là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và UBND quận M (Giấy ủy quyền số 08/UBND-TP ngày 06/01/2021, vắng mặt có đơn)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông N – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch và UBND quận M (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 79 phố Đinh Tiên Hoàng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
2. Ủy ban nhân dân phường L, quận M;
3. Trung tâm phát triển quỹ đất quận M;
4. Tổng công ty L;
5. Công ty TNHH một thành viên C (trước đây là Ban quản lý dự án Khu Đô thị mới L)
6. Bà P, sinh năm 1975, (có mặt)
7. Chị A, sinh năm 1996, (có mặt)
8. Anh V, sinh năm 1997, (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Phường L, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông A; chức danh: Chủ tịch, là người đại diện theo pháp luật của UBND thành phố Hà Nội (vắng mặt có ủy quyền)
2. Ông Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 185/GUQ-UBND ngày 29/12/2020, vắng mặt)
3. Ông C, chức danh: Chủ tịch; là người đại diện theo pháp luật của UBND phường L (vắng mặt có ủy quyền)
4. Bà M, chức danh: Phó Chủ tịch; là người đại diện theo ủy quyền của UBND phường L (Giấy ủy quyền số 01/GUQ-CTUBND ngày 25/4/2022, vắng mặt)
5. Ông U, chức danh: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật của Trung tâm phát triển quỹ đất quận M (vắng mặt có đơn)
6. Ông E, sinh năm 1970; chức danh: Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty L và Công ty TNHH một thành viên C (vắng mặt có ủy quyền)
7. Ông R, sinh năm 1990; chức vụ: Phó trưởng phòng Thanh tra – Pháp chế, là người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty L (Giấy ủy quyền số 191/2022/UQ-L ngày 08/4/2022, vắng mặt)
8. Ông W, sinh năm 1977; chức vụ: Phó trưởng phòng Quản lý Dự án, là người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty L (Giấy ủy quyền số 191/2022/UQ-L ngày 08/4/2022, vắng mặt)
9. Ông K, chức vụ: Trưởng phòng Quản lý Dự án Công ty TNHH một thành viên C, là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH một thành viên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 14/6/2001, ông H nhận chuyển nhượng của bà T 50,05m² đất nông nghiệp tại xứ Đồng V, xóm 4, thôn G, xã L, huyện T nay là tổ 33, phường L, quận M trên có nhà và công trình phụ (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Ngày 10/8/2004, UBND thành phố Hà Nội có **Quyết định 4930/QĐ-UBND** thu hồi 351.618m² đất tại các phường trong đó có phường L, quận M; tạm giao cho Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng (nay là Tổng công ty L) để tổ chức điều tra lập phương án giải phóng mặt bằng, chuẩn bị triển khai dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới L.

Ngày 23/5/2005, ông H ký Biên bản điều tra hiện trạng sử dụng đất và tài sản trên đất trong phạm vi GPMB có nguồn gốc mua lại của bà T; toàn bộ diện tích 55,05m² nằm trong chỉ giới GPMB là đất nông nghiệp trên có nhà và các công trình để ở.

Ngày 08/7/2006, UBND phường L lập Biên bản xác định nguồn gốc đất đối với ông H (T) sử dụng thửa đất số 10+11 tờ bản đồ số 47 diện tích 55,05m² đất nông nghiệp giao theo Nghị định 64/CP cho hộ bà T (số thứ tự 238/2 trong Sổ quy chủ phường L); ông H nhận chuyển nhượng lại và xây dựng nhà và các công trình để ở sau năm 1995.

Ngày 10/01/2007, UBND quận M có **Quyết định 09/QĐ-UBND** phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ phục vụ công tác GPMB đợt 2, trong đó có **phương án 119b** đối với hộ ông H.

Ngày 17/9/2007, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định 3649/QĐ-UBND cho phép Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng sử dụng chính thức 351.618m² để thực hiện dự án.

Ngày 26/12/2007, UBND quận M ban hành **Quyết định 2679/QĐ-UBND** phê duyệt phương án hỗ trợ điều chỉnh bổ sung theo Văn bản 94/UBND-NNĐC ngày 05/01/2007 của UBND thành phố Hà Nội đối với 102 phương án hộ dân tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất xây dựng công trình nhà ở, trong đó có phương án 118b ngày 18/12/2007 đối với hộ ông H được hỗ trợ về đất xây dựng nhà ở và công trình phục vụ nhu cầu ở trước 01/7/2004 và sau 15/10/1993 là 48,65m², tỷ lệ hỗ trợ 30% nhưng bị khấu trừ tiền bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp và trừ tiền hỗ trợ công tôn tạo.

Ngày 13/01/2017, Công an phường P quận Đ có Xác nhận về chỗ ở tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông H, trong đó 04 nhân khẩu nhà ông H có hộ khẩu KT1 và sinh sống tại 188 ngõ chợ Khâm Thiên, phường P, quận Đ đến năm 2001 bán nhà chuyển đi nơi khác sinh sống.

Ngày 08/3/2017, UBND quận M ban hành **Quyết định 820/QĐ-UBND** phê duyệt phương án bổ sung tái định cư và hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư, hộ ông

H được hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư cho 4 nhân khẩu trong 12 tháng.

Ngày 01/11/2017, UBND quận M có **Quyết định 6439/QĐ-UBND** phê duyệt kết quả bắt thăm căn hộ tái định cư, hộ ông H bắt thăm căn B0303 Dự án Valencia Garden (lô đất CT19B khu đô thị mới Việt Hưng quận Long Biên) có diện tích 61,37m².

Ngày 29/12/2017, UBND quận M có **Quyết định 7960/QĐ-UBND** phê duyệt phương án chi tiết tái định cư đối với hộ ông H.

Ngày 11/4/2018, UBND quận M ban hành **Quyết định 1543/QĐ-UBND** cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông H.

Ngày 18/9/2018, UBND quận M ban hành **Quyết định 5661/QĐ-UBND** phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh, hộ ông H được điều chỉnh Quyết định 820/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 với nội dung: Được mua 01 căn hộ tái định cư theo quy định tại thời điểm phê duyệt phương án ngày 26/12/2007 (theo văn bản số 94/UBND-NNĐC ngày 05/01/2007 của UBND thành phố Hà Nội); hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư là 0đ do chưa bàn giao mặt bằng.

Ngày 07/5/2018, ông H khởi kiện. Theo các đơn khởi kiện ngày 04/5/2018, ngày 30/5/2018; được bổ sung ngày 22/6/2019, ngày 16/7/2020 và tại phiên tòa, ông H yêu cầu:

1. Hủy một phần *Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 10/01/2007* của UBND quận M về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ phục vụ công tác GPMB dự án xây dựng khu đô thị mới L (đợt 2); phần phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông H (số thứ tự 68 trong danh sách kèm theo); Hủy toàn bộ Phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ ngày 28/12/2006;
2. Hủy một phần *Quyết định 2679/QĐ-UBND ngày 26/12/2007* của UBND quận M phần phê duyệt bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông H tại số thứ tự 29 trong bảng tổng hợp và hủy phương án chi tiết hỗ trợ điều chỉnh bổ sung ngày 18/12/2007 kèm theo đối với gia đình ông H.
3. Hủy *Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 08/3/2017* của UBND quận M phê duyệt phương án bổ sung tái định cư và hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư và Phương án chi tiết bổ sung tái định cư và hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư số 21/PACT-GPMB ngày 23/02/2017 kèm theo.
4. Hủy *Quyết định số 7960/QĐ-UBND ngày 29/12/2017* của UBND quận M phê duyệt phương án chi tiết tái định cư và Phương án chi tiết tái định cư ngày 29/12/2017 kèm theo.
5. Hủy *Quyết định số 1543/QĐ-CTUBND ngày 11/4/2018* của Chủ tịch UBND quận M về việc cưỡng chế thu hồi đất
6. Hủy *Quyết định 5661/QĐ-UBND ngày 18/9/2018* của UBND quận M về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh và phương án kèm theo.
7. Rút yêu cầu hủy Phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ các hộ dân tại

phường L để GPMB dự án Khu đô thị mới L đợt 1.

8. Rút yêu cầu điều chỉnh diện tích đất thu hồi trong Quyết định 4930/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội nếu diện tích thu hồi đó đã bao gồm cả diện tích 55,05m² thửa đất của gia đình ông.

Ông H cho rằng: Diện tích 55,05m² đất ông H mua của bà T không nằm trong chỉ giới GPMB nhưng UBND phường L xác định nằm trong chỉ giới GPMB; UBND phường L xác định đất ông mua của bà T nhưng các Hồ sơ kỹ thuật thửa đất thì không có bản nào ghi riêng tên ông H, chỉ có bản ghi chung tên của ông H và bà T; Hội đồng giải phóng mặt bằng chưa lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất để phê duyệt riêng cho hộ gia đình ông H, các tài liệu hiện nay đều do chủ đầu tư cung cấp chứ không phải UBND quận lập nên rất khó để xác định chính xác vị trí đất nhà ông H; Hiện không thể xác định được mốc C24 mà chỉ còn xác định được mốc C33B; Biên bản định vị ranh giới dự án thì chỉ có Ban quản lý dự án và Công ty đo đạc ký, không có tên Sở TNMT nhưng mặt sau lại có chữ ký của Sở TNMT nên biên bản này không có giá trị.

Quan điểm của UBND và Chủ tịch UBND quận M: Căn cứ Biên bản điều tra hiện trạng sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 23/5/2005, Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 08/8/2006 có chữ ký của ông H, Biên bản xác định nguồn gốc đất phục vụ công tác GPMB dự án ngày 08/7/2006 của UBND phường L và các giấy tờ khác xác định toàn bộ diện tích 55,05m² đất thuộc thửa số 10+11 tờ bản đồ số 47 mà ông H nhận chuyển nhượng của bà T nằm trong chỉ giới thu hồi.

Quan điểm của Tổng công ty L – CTCP: Tổng công ty L là pháp nhân được cổ phần hóa từ Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng. Tổng công ty L đã thành lập Công ty TNHH MTV C để thực hiện các công tác đền bù, giải phóng mặt bằng Dự án Khu đô thị mới L. Liên quan đến nội dung khởi kiện, Công ty TNHH MTV C sẽ có trách nhiệm trả lời Tòa án để đảm bảo tính chính xác.

Quan điểm của Công ty TNHH MTV C (Được thành lập trên cơ sở tách, nâng cấp **Ban quản lý dự án Khu Đô thị mới L** theo Quyết định 16/2016/QĐ-HĐQT ngày 08/3/2016 của Tổng công ty L): Theo kết quả đo đạc của Tòa án được dựa trên bản đồ và hồ sơ định vị mốc giới năm 2004, thửa đất gia đình ông H đang sử dụng chỉ nằm một phần trong chỉ giới GPMB dự án. Công ty sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng để tổ chức phúc tra lại đất, công trình tài sản trên đất và điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và các quyết định hành chính đối với hộ gia đình ông H theo đúng quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

UBND thành phố Hà Nội, UBND phường L và Trung tâm phát triển quỹ đất quận M không giao nộp tài liệu, chứng cứ; không có quan điểm, ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu: Có căn cứ cho rằng diện tích đất gia đình ông H sử dụng không nằm toàn bộ trong chỉ giới giải phóng mặt bằng của dự án nhưng UBND quận M ban hành quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất là không đúng. Vậy, Chủ tịch và UBND quận M ban hành các quyết định phê duyệt phương án, quyết định điều chỉnh phê duyệt phương án, quyết định phê duyệt bổ sung phương án bồi thường hỗ trợ, quyết định

cưỡng chế cũng không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ quy định tại Điều 193 Luật TTHC, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2018 của ông H nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 07/5/2018 về việc khởi kiện *Quyết định 1543/QĐ-CTUBND ngày 11/4/2018* của Chủ tịch UBND quận M cưỡng chế thu hồi đất là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông H bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với các quyết định của UBND quận M gồm *Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 10/01/2007*, *Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 08/3/2017*, *Quyết định số 7960/QĐ-UBND ngày 29/12/2017*. Căn cứ Khoản 2 Điều 56, Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính và mục 5 Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 xác định các quyết định này có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện nên không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án đã có Thông báo 1520/TLST-HC ngày 08/12/2020 thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với các quyết định này.

Tại phiên tòa, ông H bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với *Quyết định 2679/QĐ-UBND ngày 26/12/2007* và *Quyết định 5661/QĐ-UBND ngày 18/9/2018*. Đây cũng là các quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện nên Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với các quyết định hành chính mà ông H bổ sung yêu cầu tại phiên tòa.

Yêu cầu khởi kiện của ông H về việc hủy Phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ các hộ dân tại phường L để GPMB dự án Khu đô thị mới L đợt 1 và điều chỉnh diện tích đất thu hồi trong Quyết định 4930/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội nếu diện tích thu hồi đó đã bao gồm cả diện tích 55,05m² thửa đất của gia đình ông (tại Đơn đề nghị bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 16/7/2020) chưa được Tòa án thụ lý để giải quyết. Nay tại phiên tòa, ông H tự nguyện rút các yêu cầu này nên Tòa án đình chỉ việc xem xét giải quyết đối với các yêu cầu này.

[2] ***Quyết định 4930/QĐ-UBND ngày 10/8/2004*** của UBND thành phố Hà Nội thu hồi 351.618m² đất tại các phường trong đó có phường L, quận M, tạm giao cho Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng (nay là Tổng công ty L) để tổ chức điều tra lập phương án giải phóng mặt bằng, chuẩn bị triển khai dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới L được giới hạn bởi các mốc từ 1 đến 14, 14A, 14B, 15, 15A, 15B, từ 16 đến 25 tại *Bản vẽ xác định ranh giới khu đất dự án RG 01 tỷ lệ 1/500* do Viện quy hoạch xây dựng Hà Nội lập tháng 5/2004 được Sở quy hoạch kiến trúc chấp thuận kèm theo Văn bản 1180/QHKT-P1 ngày 14/6/2004, Sở tài nguyên môi trường và nhà đất xác nhận ngày 20/7/2004.

Tại *Bản vẽ ranh giới khu đất dự án RG-01 tỷ lệ 1/500* thể hiện ranh giới

khu đất xác định tạm giao để Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng (nay là Tổng công ty L) lập dự án có diện tích khoảng **351.422m²** được giới hạn bởi các mốc từ 1 đến 25; ranh giới và mốc giới chính thức sẽ được xác định cụ thể khi quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới L tỷ lệ 1/500 và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các kích thước trên bản vẽ dùng để kiểm tra, không dùng để cắm mốc; đề nghị các cơ quan chức năng cho kiểm tra lại diện tích đất cụ thể trước khi trình UBND thành phố.

Ranh giới và mốc giới chính thức của dự án đã được xác định cụ thể tại *Quyết định 148/2004/QĐ-UB ngày 23/9/2004* của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới L với tổng diện tích đất trong ranh giới lập quy hoạch chi tiết là 407.842m², tổng diện tích đất trong ranh giới lập dự án là **351.422m²**.

Tại *Biên bản định vị ranh giới thửa đất ngoài hiện trường ngày 28/9/2004* giữa Công ty khảo sát và đo đạc Hà Nội (bên định vị thửa đất) với Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng (bên nhận ranh giới khu đất) đã bàn giao 110 điểm mốc với tổng diện tích đất tạm giao là **351.618m²** trong đó diện tích phường L là 307.614m² giới hạn bởi các mốc RG20, C10, 11, C11, C12, 12, C13, C14, 13, C15, 14, 14A, 14B, 15, 15A, 15B, 16, C16, C17, 17, 18, C18 đến C25, 19, 20, 21, từ C26 đến C32, 22, 23, C33, 24, C34, C35, RG48, RG47, RG46, RG45, RG39, RG37, RG36, RG35, RG34, RG33, RG32, RG31, RG30, RG29, RG28, RG27, RG26, RG25, RG24, RG23, RG22, RG21, RG15, RG16, C4, C5, RG17, RG18, RG19.

Tại Văn bản 359/TTg-CN ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ đã cho phép đầu tư dự án và *Quyết định 3649/QĐ-UBND ngày 17/9/2007* của UBND thành phố Hà Nội đã cho phép Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng sử dụng chính thức **351.618m²** để thực hiện dự án. Theo *Quyết định 3649/QĐ-UBND ngày 17/9/2007* vị trí, ranh giới, diện tích thực hiện dự án giới hạn bởi các mốc từ 1 đến 25 xác định tại *Bản vẽ Sơ đồ tổ chức không gian quy hoạch - kiến trúc và cảnh quan QH-06 tỷ lệ 1/500* và *Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đai QH-05 tỷ lệ 1/500* do Viện quy hoạch xây dựng Hà Nội lập tháng 7/2004 được UBND thành phố phê duyệt tại *Quyết định 148/2004/QĐ-UB ngày 23/9/2004*, Sở Quy hoạch kiến trúc xác nhận ngày 10/12/2004, Giám đốc Sở tài nguyên môi trường và nhà đất xác nhận ngày 09/8/2007.

Quyết định 1068/QĐ-UBND ngày 06/3/2012 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch các lô đất ký hiệu CT5 và CT7 trong quy hoạch chi tiết và *Quyết định 4560/QĐ-UBND ngày 09/9/2015* của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới L đều không điều chỉnh diện tích và ranh giới dự án đã được phê duyệt tại *Quyết định 148/2004/QĐ-UB ngày 23/9/2004*.

Như vậy, diện tích mà Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng (nay là Tổng công ty L) được lập dự án tại *Quyết định 148/2004/QĐ-UB ngày 23/9/2004* của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới L là **351.422m²** nhưng tại *Biên bản định vị ranh giới thửa đất ngoài hiện trường ngày*

28/9/2004 và Quyết định 3649/QĐ-UBND ngày 17/9/2007 của UBND thành phố Hà Nội tổng diện tích đất bàn giao và sử dụng chính thức để thực hiện dự án là **351.618m²**.

Theo *Quyết định 4930/QĐ-UBND ngày 10/8/2004* của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 351.618m² đất thì ranh giới được giới hạn bởi các mốc từ 1 đến 14, 14A, 14B, 15, 15A, 15B, từ 16 đến 25 tại *Bản vẽ xác định ranh giới khu đất dự án RG-01 tỷ lệ 1/500* do Viện quy hoạch xây dựng Hà Nội lập tháng 5/2004 được Sở quy hoạch kiến trúc chấp thuận kèm theo Văn bản 1180/QHKT-P1 ngày 14/6/2004, Sở tài nguyên môi trường và nhà đất xác nhận ngày 20/7/2004. Nhưng theo *Quyết định 3649/QĐ-UBND ngày 17/9/2007* của UBND thành phố Hà Nội cho phép Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng sử dụng chính thức 351.618m² để thực hiện dự án thì ranh giới được giới hạn bởi các mốc từ 1 đến 25 xác định tại *Bản vẽ Sơ đồ tổ chức không gian quy hoạch - kiến trúc và cảnh quan QH-06 tỷ lệ 1/500* và *Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đai QH-05 tỷ lệ 1/500* do Viện quy hoạch xây dựng Hà Nội lập tháng 7/2004 được UBND thành phố phê duyệt tại *Quyết định 148/2004/QĐ-UB ngày 23/9/2004*, Sở Quy hoạch kiến trúc xác nhận ngày 10/12/2004, Giám đốc Sở tài nguyên môi trường và nhà đất xác nhận ngày 09/8/2007. Như vậy, diện tích 351.618m² đất thực hiện dự án có mốc giới và bản vẽ tại quyết định thu hồi đất và quyết định giao đất là khác nhau.

[3] *Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 10/01/2007* của UBND quận M phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ phục vụ công tác GPMB Dự án xây dựng khu đô thị mới L (đợt 2) tại phường L kèm theo *Phương án tổng hợp bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân tại phường L (đợt 2)* tại thứ tự 168, hồ sơ số IL:119b có hộ gia đình ông H (T) bị thu hồi 55,05m² thửa đất số 10 và 11 thuộc diện mua lại; kèm theo có *Phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ đối với các hộ dân tại phường L (đợt 2)* ngày 28/12/2006, TL: 119b là phương án chi tiết của hộ gia đình ông H (T) bị thu hồi toàn bộ 55,05m² thửa đất số 10 và 11 tờ bản đồ số 47 xứ Đồng V.

[3.1] *Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 10/01/2007* kèm *Phương án tổng hợp* đối với các hộ dân và *Phương án chi tiết* đối với hộ ông H chỉ căn cứ vào *Quyết định 4930/QĐ-UBND ngày 10/8/2004* của UBND thành phố Hà Nội mà không căn cứ vào *Quyết định 148/2004/QĐ-UB ngày 23/9/2004* của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch chi tiết là thiếu căn cứ.

[3.2] Hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty cổ phần thương mại và công nghệ Khảo Sát đo đạc năm 2004 (Công ty L nộp bản đóng dấu treo) có chữ ký và con dấu của UBND phường L, Ban quản lý dự án khu đô thị mới L và bà T thể hiện thửa số 11 tờ bản đồ 47, chủ sử dụng đất là bà T (viết tay “bán cho H”), diện tích 462m², hiện trạng sử dụng thổ cư và vườn (T-V), bị thu hồi toàn bộ.

Hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty cổ phần thương mại và công nghệ Khảo Sát đo đạc ngày 08/8/2006 (người bị kiện và người liên quan nộp bản đóng dấu treo) có chữ ký và con dấu của UBND phường L, Ban quản lý dự án khu đô thị mới L và bà T đối với thửa số 10 không rõ tờ bản đồ, chủ sử dụng đất là bà T (viết tay “bán cho H”), diện tích 960m², hiện trạng sử dụng thổ cư (T) bị thu hồi toàn

bộ.

Trong hồ sơ vụ án còn có một số Hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 10 lập năm 2004 đối với chủ sử dụng bà T nhưng không có chữ ký, con dấu của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 212-d lập năm 2004 có chữ ký của chủ sử dụng bà T nhưng không có chữ ký, con dấu của cơ quan, tổ chức nào nên không được coi là chứng cứ.

Theo đại diện Công ty L khai tại phiên tòa, hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với hộ ông H căn cứ vào Hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo đạc ngày 08/8/2006 đối với hộ bà T trong đó có diện tích chuyển nhượng cho ông H, ngoài ra không có hồ sơ kỹ thuật thửa đất riêng đối với diện tích nhà đất của hộ ông H.

Phương án phê duyệt bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của hộ ông H không căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất của nhà ông H mà căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất của nhà bà T. Nhưng hồ sơ kỹ thuật thửa đất của nhà bà T không có nội dung nào thể hiện ông H sử dụng diện tích 55,05m²; không thể hiện 55,05m² của ông H nằm ở vị trí nào của thửa số 10 đo vẽ năm 2004, vị trí nào của thửa 11 đo vẽ năm 2006; và cũng không thể hiện diện tích 55,05m² nằm ở cả 2 thửa 10 (đo vẽ năm 2004) và thửa 11 (đo vẽ năm 2006). Ngay cả Biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 08/7/2006 của UBND phường L cũng không xác định diện tích đất ông H nhận chuyển nhượng của bà T thuộc thửa đất nào.

Trong khi, tại Bản gia đình tự kê khai ngày 10/5/2005, ông H đã ký và kê khai đang sử dụng diện tích 55,05m² đất nông nghiệp mua của bà T trên đã có nhà cấp 4 xây năm 1997 diện tích 46m²; 21m² trần nhựa chống nóng; 14,7m² buồng vệ sinh và tắm; 8m³ bể ngầm; hệ thống điện, công tơ, đường ống nước ăn; Biên bản điều tra hiện trạng sử dụng đất ngày 23/5/2005 thể hiện ông H mua lại của bà T 55,05m² đất nông nghiệp, đã xây nhà ở; Biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 08/7/2006 đã xác định diện tích đất ông H sử dụng do nhận chuyển nhượng của bà T bị thu hồi là 55,05m².

Như vậy, trước khi Hồ sơ kỹ thuật thửa đất được lập ngày 08/8/2006 thì đã có rất nhiều tài liệu thể hiện diện tích thửa đất ông H mua lại của bà T nhưng Hội đồng bồi thường quận M không đo đạc, lập riêng hồ sơ kỹ thuật thửa đất của gia đình ông H để làm căn cứ lập phương án bồi thường mà vẫn đo diện tích bà T đã chuyển nhượng cho ông H trong 1 thửa đất, trong cùng 1 hồ sơ kỹ thuật là không đúng, không đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông H.

Các phương án tổng thể và phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ ngày 28/12/2006 kèm theo *Quyết định 09/QĐ-UBND ngày 10/01/2007* xác định ông H bị thu hồi diện tích 55,05m² đất thuộc thửa 10 và 11 là không đủ căn cứ.

[3.3] Trên 02 bản Hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty cổ phần thương mại và công nghệ Khảo Sát đo đạc năm 2004 đối với thửa số 11 tờ bản đồ 47 diện tích 462m² và đo đạc ngày 08/8/2006 đối với thửa số 10 không rõ tờ bản đồ diện tích 960m² đều có phần *Chú thích cọc GPMB và ranh giới GPMB* nhưng sơ đồ thửa đất không thể hiện trên thửa đất bị thu hồi có cọc GPMB và ranh giới GPMB đi qua. Như vậy, theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất này thì toàn bộ diện tích đất của chủ

sử dụng đất T trên có nhà đất chuyển nhượng cho ông H nằm trong phạm vi GPMB, không có chỉ giới GPMB và cọc GPMB đi qua thửa đất nên hồ sơ kỹ thuật thửa đất không thể hiện. Tuy nhiên, kết quả xem xét thẩm định của Tòa án và thực tế thì trên thửa đất này có chỉ giới GPMB đi qua. Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty cổ phần phát triển công nghệ đo đạc và bản đồ Hà Nội lập năm 2022 do Công ty L xác định và chỉ dẫn theo *Biên bản định vị ranh giới thửa đất ngoài hiện trường ngày 28/9/2004* và thực địa thì diện tích đất nhà ông H nằm trong phạm vi GPMB là 27.9m²; nằm ngoài phạm vi GPMB là 20.2m². Đại diện UBND quận M và đại diện chủ đầu tư Công ty L đều xác nhận ranh giới Dự án được căn cứ vào *Biên bản định vị ranh giới thửa đất ngoài hiện trường ngày 28/9/2004*, ngoài ra không có tài liệu nào khác.

Trong khi, theo Quyết định 4930/QĐ-UBND ngày 10/8/2004 của UBND thành phố Hà Nội thì Sở tài nguyên môi trường và nhà đất có trách nhiệm xác định ranh giới khu đất trên bản đồ và ngoài thực địa nhưng tại *Biên bản định vị ranh giới thửa đất ngoài hiện trường ngày 28/9/2004* không có dấu xác nhận của Sở tài nguyên môi trường và nhà đất. Mặt khác, tổng diện tích đất trong ranh giới lập dự án được *Quyết định 148/2004/QĐ-UB* ngày 23/9/2004 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt chỉ có 351.422m²; còn *Biên bản định vị ranh giới thửa đất ngoài hiện trường ngày 28/9/2004* bàn giao là 351.618m².

Như vậy, *Quyết định số 09/QĐ-UBND* ngày 10/01/2007 của UBND quận M phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ kèm theo *Phương án tổng hợp bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân (đợt 2)* hộ gia đình ông H ở thứ tự 168 trong danh sách và *Phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ* đối với hộ ông H có nội dung thu hồi toàn bộ diện tích 55,05m² đất là không đúng. Do đó, có căn cứ để hủy một phần quyết định và phương án tổng hợp; hủy toàn bộ phương án chi tiết kèm theo.

[4] Do *Quyết định số 09/QĐ-UBND* ngày 10/01/2007 của UBND quận M và *Phương án tổng hợp bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân (đợt 2)* được ban hành không đúng, có căn cứ để hủy phần phê duyệt bồi thường hỗ trợ đối với hộ gia đình ông H ở thứ tự 168 trong danh sách; *Phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ* đối với hộ ông H bị hủy toàn bộ nên phần phê duyệt bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông H tại số thứ tự 29 trong bảng tổng hợp và phương án chi tiết hỗ trợ điều chỉnh bổ sung ngày 18/12/2007 kèm theo *Quyết định 2679/QĐ-UBND* ngày 26/12/2007 của UBND quận M; *Quyết định số 820/QĐ-UBND* ngày 08/3/2017 của UBND quận M phê duyệt phương án bổ sung tái định cư và hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư kèm theo *Phương án chi tiết bổ sung tái định cư và hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư số 21/PACT-GPMB* ngày 23/02/2017; *Quyết định 6439/QĐ-UBND* ngày 01/11/2017 của UBND quận M về phê duyệt kết quả bắt thăm căn hộ tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Minh Hùng; *Quyết định số 7960/QĐ-UBND* ngày 29/12/2017 của UBND quận M phê duyệt phương án chi tiết tái định cư kèm theo *Phương án chi tiết tái định cư* ngày 29/12/2017; *Quyết định số 1543/QĐ-CTUBND* ngày 11/4/2018 của Chủ tịch UBND quận M về việc cưỡng chế thu hồi đất; *Quyết định 5661/QĐ-UBND* ngày 18/9/2018 của UBND quận M về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều

chính kèm theo phương án chi tiết cũng không đúng, không có căn cứ nên bị hủy theo.

[5] Do các quyết định hành chính bị kiện ban hành trái pháp luật nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H. Ông H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm. Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là số tiền cần thiết và hợp lý Tòa án phải chi trả cho công việc xem xét, thẩm định tại chỗ. Chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ hết 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng). Ông H đã nộp đủ số tiền này. Nay yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 358 Luật tố tụng hành chính, người bị kiện phải hoàn trả cho ông H số tiền này.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 193, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật đất đai 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

[1] Hủy một phần *Quyết định 09/QĐ-UBND ngày 10/01/2007* của UBND quận M về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ phục vụ công tác GPMB Dự án xây dựng Khu đô thị mới L (đợt 2) tại phường L, quận M;

Hủy phần phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của ông H (T) tại thứ tự 68 *Phương án tổng hợp bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân tại phường L, quận M (đợt 2)* ... ngày 05/01/2007 ban hành kèm theo Quyết định 09/QĐ-UBND ngày 10/01/2007 của UBND quận M.

Hủy toàn bộ *Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân tại phường L để GPMB Dự án Khu đô thị mới L (đợt 2)* ngày 28/12/2006 của UBND quận M (đối với chủ sử dụng đất H (T)).

[2] Hủy một phần *Quyết định 2679/QĐ-UBND ngày 26/12/2007* của UBND quận M về việc phê duyệt phương án hỗ trợ điều chỉnh bổ sung theo Văn bản số 94/UBND-NNĐC ngày 05/01/2007 của UBND thành phố Hà Nội đối với các hộ có công trình, nhà ở trên đất tại phường L để thực hiện Dự án xây dựng Khu đô thị mới L.

Hủy phần phương án chi tiết hỗ trợ điều chỉnh bổ sung đối với hộ ông H tại thứ tự 29 trong danh sách Các hộ có trong phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đợt 2 *Bảng tổng hợp phương án chi tiết hỗ trợ điều chỉnh bổ sung đối với các hộ dân có công trình nhà ở trên đất thu hồi tại phường L để thực hiện dự án xây dựng Khu đô thị mới L (Đợt 1 và đợt 2)* ban hành kèm theo Quyết định 2679/QĐ-UBND ngày 26/12/2007 của UBND quận M.

Hủy toàn bộ *Phương án chi tiết hỗ trợ điều chỉnh bổ sung đối với các hộ dân có công trình, nhà ở trên đất thu hồi tại phường L để thực hiện Dự án xây dựng Khu đô thị mới L (đợt 2)* ngày 18/12/2007 của UBND quận M (đối với chủ sử dụng đất H (T)).

[3] Hủy toàn bộ *Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 08/3/2017* của UBND quận M về việc phê duyệt phương án bổ sung tái định cư và hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư để thực hiện Dự án Khu đô thị mới L trên địa bàn phường L, quận M.

Hủy toàn bộ *Phương án chi tiết bổ sung tái định cư và hỗ trợ thuê nhà tạm cư số 21/PACT-GPMB ngày 23/02/2017* của UBND quận M ban hành kèm theo Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của UBND quận M.

[4] Hủy toàn bộ *Quyết định 6439/QĐ-UBND ngày 01/11/2017* của UBND quận M về việc phê duyệt kết quả bắt thăm căn hộ tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Minh Hùng.

[5] Hủy toàn bộ *Quyết định số 7960/QĐ-UBND ngày 29/12/2017* của UBND quận M về việc phê duyệt phương án chi tiết tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu đô thị mới L tại phường L, quận M.

Hủy toàn bộ *Phương án chi tiết tái định cư* ngày 29/12/2017 ban hành kèm theo Quyết định số 7960/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND quận M.

[6] Hủy toàn bộ *Quyết định số 1543/QĐ-CTUBND ngày 11/4/2018* của Chủ tịch UBND quận M về việc cưỡng chế thu hồi đất.

[7] Hủy toàn bộ *Quyết định số 5661/QĐ-UBND ngày 18/9/2018* của UBND quận M về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu đô thị mới L trên địa bàn phường L, quận M.

Hủy toàn bộ *Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh* ngày 18/9/2018 ban hành kèm theo Quyết định số 5661/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của UBND quận M.

[8] Đình chỉ việc xem xét giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện của ông H do rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa gồm: Đề nghị điều chỉnh diện tích đất thu hồi trong Quyết định 4930/QĐ-UBND ngày 10/8/2004 của UBND thành phố Hà Nội nếu diện tích thu hồi đó đã bao gồm cả diện tích 55,05m² thửa đất của gia đình ông H; yêu cầu hủy Phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ các hộ dân tại phường L để GPMB dự án Khu đô thị mới L (đợt 1).

[9] Hoàn trả ông H số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 509 ngày 25/5/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

[10] Ủy ban nhân dân quận M, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm và phải hoàn trả cho ông H tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hoàng Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

